TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐĂK LĂK** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2026/DSST.
Ngày: 05-5-2026.
V/v: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐĂK LĂK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiễu Hmok.

2. Ông Lâm Tấn Đạt.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2026 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 8 mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 27/2026/TLST-DS, ngày 22/01/2026, về việc *"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐST-DS ngày 17/4/2026 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1949. Có mặt.

Số CCCD/CMND: 066049004080.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn 13, xã Pơng D, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964 và ông Tôn Đức Đ (chết ngày 24/10/2020). Bà Thảnh có mặt.

Số CCCD/CMND: 042164009072.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn 13, xã Pơng D, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 21/6/2020 (al) ông T cho bà Th vay 64.900.000 đồng, không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 21/8/2020 (al).

Đến hạn ông T đến đòi nợ nhiều lần thì đến ngày 12/12/2020 bà Th trả cho ông T 10.000.000 đồng. Số tiền bà Th còn nợ lại ông T 54.900.000 đồng cho đến nay bà Th vẫn không có thiện chí trả nợ, nay ông T yêu cầu bà Th phải có nghĩa vụ trả cho ông T toàn bộ số nợ gốc nói trên.

Về lãi suất: Ông T yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn trình bày:

Bà Th thừa nhận vào ngày 21/6/2020 (al) bà Th ký giấy vay ông T số tiền là 64.900.000 đồng, hẹn trả nợ vào ngày 21/8/2020 (al). Đến ngày 12/12/2020 bà Th trả cho ông T 10.000.000 đồng, số tiền bà Th còn nợ ông T 54.900.000 đồng.

Vì sau khi chồng bà Th mất (chết), bà Th rơi vào hoàn cảnh khó khăn, chưa có điều kiện trả nợ cho ông T, nay bà Th hẹn trả số tiền nợ nói trên cho ông T mỗi năm 10.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo yêu cầu tính lãi suất của ông T, nay bà Th xin không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa thể hiện việc ông T khởi kiện yêu cầu bà Th trả cho ông T số tiền nợ 54.900.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Lê Văn T khởi kiện bà Nguyễn Thị Th tại Tòa án và Toà án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Ngày 21/6/2020 (al) ông T cho bà Th vay số tiền 64.900.000 đồng, hẹn trả nợ vào ngày 21/8/2020 (al). Đến ngày 12/12/2020 bà Th trả cho ông T 10.000.000 đồng, số tiền bà Th còn nợ ông T 54.900.000 đồng, bà Th hẹn trả số tiền nợ nói trên cho ông T mỗi năm 10.000.000 đồng, nhưng ông T không đồng ý.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 21/6/2020 (al) do ông T cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án bà Th cũng đã thừa nhận có ký giấy xác nhận vay ông T số tiền 64.900.000 đồng. Đến ngày 12/12/2020 bà Th trả cho ông T 10.000.000 đồng, số tiền bà

Th còn nợ ông T 54.900.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông T. Các bên đương sự cũng đã thừa nhận, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng bà Th không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Sau khi vay tiền ông T, thì ngày 24/10/2020 ông Tôn Đức Đ (chồng bà Th) chết được thể hiện tại giấy chứng tử số 79 ngày 19/11/2020 của UBND xã Pơng Drang, nên bà Th phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho ông T.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng không thỏa thuận lãi, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xét yêu cầu tính lãi suất của ông T theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Lãi suất được tính như sau: Lãi suất được tính từ ngày 22/8/2020 (al) tức ngày 08/10/2020 (dl) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2026) là 66 tháng 27 ngày (2.007 ngày), cụ thể: [(54.900.000 đồng x 10%) x 2.007 ngày] : 365 ngày = 30.187.000 đồng (đã làm tròn số).

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là (54.900.000 đồng tiền gốc + 30.187.000 đồng tiền lãi) = 85.087.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận, nên bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Th thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả cho ông T tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho ông Lê Văn T 85.087.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu, không trăm tám bảy nghìn đồng), trong đó 54.900.000 đồng tiền nợ gốc và 30.187.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ đoạn 2 khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Trả cho ông T 2.278.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk, theo biên lai số 0000739 ngày 20/01/2026.

Bà Th thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ